

Bản án số: 14/2021/DS-ST
Ngày 26 tháng 5 năm 2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận

Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tráng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng, Tòa án xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 205/2020/TLST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2020 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2021/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S**; Địa chỉ: Lầu 8, 266-268 đường N, phường 8, quận 3, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Đình V; Chức vụ: Nhân Viên; theo Giấy uỷ quyền số 114/2020/UQ-TTT ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Phó Giám đốc Trung tâm thẻ và Giấy uỷ quyền số 4292/2019/GUQ-PL ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Tổng giám đốc (có mặt tại phiên tòa).

- Bị đơn: **Bà Võ Thị H**, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Số nhà 441 Đường Đ, phường K, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, các Biên bản hòa giải, Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP S trình bày:***

Ngày 02 tháng 02 năm 2016, bà Võ Thị H có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng

và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng— các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của Bà Hiếu, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000đ, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 37.090.000đ. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 32.975.336đ. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Hiếu vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Hiếu vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01 tháng 02 năm 2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính lãi của thẻ tín dụng theo điều 22 của bản điều khoản điều kiện.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà Hiếu, yêu cầu bà Hiếu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà Hiếu trả nợ, tuy nhiên bà Hiếu vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn buộc bà H phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 18 tháng 3 năm 2021 (ngày hoà giải tại Tòa án) là 23.656.987đ; trong đó: Nợ gốc 10.619.915đ; Lãi quá hạn 13.037.072đ; Lãi suất 3.225%/tháng (2.15% x 150%). Ngân hàng tính lãi suất quá hạn 3.225%/tháng trên số tiền gốc bắt đầu từ ngày quá hạn 01 tháng 02 năm 2018 cho đến khi bà H trả hết nợ gốc (Ngân hàng ưu tiên thanh toán trừ vào tiền gốc trước, hết gốc mới trừ vào tiền lãi quá hạn). Và bà H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 19 tháng 3 năm 2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tại phiên toà sơ thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP S trình bày số tiền nợ của bà Võ Thị H tính đến ngày 26 tháng 5 năm 2021 là 24.444.691đ; bao gồm Nợ gốc 10.619.915đ; Lãi quá hạn 13.824.776đ.

*** Theo Bản tự khai, các Biên bản hòa giải, Bị đơn - bà Võ Thị H trình bày:**

Vào ngày 02 tháng 02 năm 2016, tôi có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) để vay tổng số tiền là 37.090.000đ. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay tôi đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 32.975.336đ. Tôi xác nhận hiện nay còn nợ Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 18 tháng 3 năm 2021 là 23.656.987đ, trong đó: Nợ gốc 10.619.915đ; Lãi quá hạn 13.037.072đ. Do hoàn cảnh khó khăn nên tôi xin hẹn Ngân hàng đến ngày 10 tháng 4 năm 2021 tôi sẽ thanh toán dứt điểm toàn bộ số tiền nợ gốc là 10.619.915đ và xin ngân hàng giảm tiền nợ lãi cho tôi.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá

trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng pháp luật.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bà Võ Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay hai bên đã thỏa thuận tính đến ngày 26 tháng 5 năm 2021 là 24.444.691đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là bà Võ Thị H đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đương sự nói trên.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 02 tháng 02 năm 2016, bà Võ Thị H có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000đ, Lãi suất trong hạn 2.15%/tháng, Lãi suất quá hạn 3.225%/tháng (2.15% x 150%), với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 37.090.000đ. Quá trình sử dụng thẻ, bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 32.975.336đ thì bà Hiếu vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 01 tháng 02 năm 2018, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp nhưng bà Hiếu vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Võ Thị H phải thanh toán số tiền tính đến ngày 26 tháng 5 năm 2021 là 24.444.691đ; bao gồm Nợ gốc 10.619.915đ; Lãi quá hạn 13.824.776đ. Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, Ngân hàng TMCP S thay đổi nội dung khởi kiện về số tiền nợ lãi là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, bà Võ Thị H có bản tự khai xác nhận phần trình bày của Ngân hàng TMCP S về quá trình sử dụng thẻ của bà là đúng; xác nhận còn nợ Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 18 tháng 3 năm 2021 là 23.656.987đ trong đó: Nợ gốc 10.619.915đ; Lãi quá hạn 13.037.072đ. Tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên bà H hẹn Ngân hàng đến ngày 10 tháng 4 năm 2021 sẽ thanh toán dứt điểm toàn bộ số tiền nợ gốc là 10.619.915đ và xin ngân hàng giảm tiền nợ lãi.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn thì thấy: Căn cứ "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng" được phê duyệt ngày 26 tháng 01 năm 2016 giữa Ngân hàng TMCP S với bà Võ Thị H; "Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S (đơn vị phát hành thẻ) có hiệu lực từ ngày 21 tháng 9 năm 2015" và xác nhận như trên của bà H; Hội đồng xét xử có đủ

cơ sở để xác định Ngân hàng TMCP S có cho bà Võ Thị H vay tổng số tiền 37.090.000đ, Lãi suất trong hạn 2.15%/tháng, Lãi suất quá hạn 3.225%/tháng ($2.15\% \times 150\%$), với mục đích tiêu dùng cá nhân thỏa thuận theo các văn bản đã nêu trên. Đây là Hợp đồng tín dụng, có nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên khi bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền khởi kiện. Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận; cần buộc bà Võ Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền là 24.444.691đ; bao gồm: Nợ gốc 10.619.915đ; Lãi quá hạn 13.824.776đ tính đến ngày 26 tháng 5 năm 2021 cho Ngân hàng theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, các Điều 91, 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

[5] Về yêu cầu của bà Võ Thị H xin được trả dứt điểm toàn bộ số tiền nợ gốc là 10.619.915đ và đề nghị Ngân hàng TMCP S giảm tiền nợ lãi do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nhưng không được Ngân hàng đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận.

[6] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn - bà Võ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 24.444.691đ x 5% ~ 1.222.000đ.

[7] Các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 63, 147, 227, 228, 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, các Điều 91, 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện v/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng TMCP S đối với bà Võ Thị H.

Buộc bà Võ Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền là **24.444.691đ (hai mươi bốn triệu, bốn trăm bốn mươi bốn nghìn, sáu trăm chín mươi một đồng)**; bao gồm: Nợ gốc 10.619.915đ; Lãi quá hạn 13.824.776đ tính đến ngày 26 tháng 5 năm 2021.

Kể từ ngày 27 tháng 5 năm 2021, bà Võ Thị H còn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng TMCP S với lãi suất theo "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng" được phê duyệt ngày 26 tháng 01 năm 2016 giữa Ngân hàng TMCP S với bà Võ Thị H và "Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân

hàng TMCP S (đơn vị phát hành thẻ) có hiệu lực từ ngày 21 tháng 9 năm 2015" tương ứng với số tiền nợ gốc và thời gian chưa thanh toán.

2. Án phí Dân sự sơ thẩm: 1.222.000đ (một triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn đồng) bà Võ Thị H phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 464.992 đồng (bốn trăm sáu mươi bốn nghìn, chín trăm chín mươi hai đồng) theo biên lai thu số 0001895 ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai